

Số: 39/2016/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2016

THÔNG TƯ

**Quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn
thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải**

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

1. Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (sau đây gọi chung là sản phẩm, hàng hóa nhóm 2) thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

2. Mã hàng hóa (HS) đối với Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh, thiết kế, thi công, xây dựng các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

2. Tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quản lý, đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 3. Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải

Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải gồm 02 (hai) phụ lục:

1. Phụ lục 1: Danh mục sản phẩm, hàng hóa, mã số HS nhóm 2 bắt buộc phải chứng nhận và công bố hợp quy.
2. Phụ lục 2: Danh mục sản phẩm, hàng hóa, mã số HS nhóm 2 bắt buộc phải công bố hợp quy.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2017.
2. Thông tư này thay thế Thông tư số 63/2011/TT-BGTVT ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Các Tổng cục, Cục thuộc Bộ có trách nhiệm:
 - a) Triển khai thực hiện Thông tư này;
 - b) Rà soát danh mục sản phẩm, hàng hóa trong lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị mình và trình Bộ để xem xét sửa đổi, bổ sung danh mục.
2. Vụ Khoa học - Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp đề xuất của các Cục, Tổng cục để tham mưu việc sửa đổi, bổ sung danh mục.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết.
4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, KHCN.



Phụ lục 1

DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA NHÓM 2

BẮT BUỘC PHẢI CHỨNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ HỢP QUY

(Kèm theo Thông tư số 39/2016/TT-BGTVT ngày 06/12 /2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia. QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật.
TQ: Thông quan hàng hóa. TTLT: Thông tư liên tịch.
NĐ: Nghị định. QĐ: Quyết định. LSA: Trang bị cứu sinh.

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/ tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh	Thời điểm kiểm tra khi nhập khẩu	
					Trước TQ	Sau TQ
I - Lĩnh vực chất lượng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng						
A. Ô tô, rơ moóc và sơ mi rơ moóc						
1.	Ô tô đầu kéo	QCVN 09:2011/BGTVT QCVN 09:2015/BGTVT TCVN 6211	8701.20	TT 30/2011/TT-BGTVT TT 31/2011/TT-BGTVT TT 54/2014/TT-BGTVT TT 55/2014/TT-BGTVT	X	
	Ô tô kéo rơ moóc					
2.	Ô tô khách (loại chở 10 người trở lên, kể cả lái xe) và các loại ô tô được thiết kế chủ yếu để chở người:	QCVN 09:2011/BGTVT QCVN 09:2015/BGTVT QCVN 10:2011/BGTVT QCVN 10:2015/BGTVT QCVN 82:2014/BGTVT	87.02	TT 30/2011/TT-BGTVT TT 31/2011/TT-BGTVT TT 54/2014/TT-BGTVT TT 55/2014/TT-BGTVT TTLT 03/2006/TTLT-BTM-BGTVT-BTC-BCA	X	
	- Ô tô chở người trong sân bay - Ô tô khách kiểu limousine - Ô tô được thiết kế chủ yếu để chở người (loại chở 10 người trở lên, kể cả lái xe) loại khác	TCVN 6211 TCVN 7271				

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/ tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh	Thời điểm kiểm tra khi nhập khẩu	
					Trước TQ	Sau TQ
3.	Ô tô con và các ô tô được thiết kế chủ yếu để chở người: - Ô tô cứu thương - Ô tô nhà ở lưu động - Ô tô chở phạm nhân - Ô tô tang lễ - Ô tô con kiểu limousine - Ô tô được thiết kế chủ yếu để chở người (loại chở dưới 10 người, kể cả lái xe) loại khác	QCVN 09:2011/BGTVT QCVN 09:2015/BGTVT	87.03	TT 30/2011/TT-BGTVT TT 31/2011/TT-BGTVT TT 54/2014/TT-BGTVT TT 55/2014/TT-BGTVT TT LT 03/2006/TTLT-BTM-BGTVT-BTC-BCA	X	
4.	Ô tô tải kể cả ô tô tải VAN và các ô tô được thiết kế chủ yếu để chở hàng sau: - Ô tô tải tự đổ - Ô tô tải - Ô tô tải đông lạnh - Ô tô chở rác - Ô tô xi téc - Ô tô chở xi măng rời - Ô tô chở bùn - Ô tô được thiết kế chủ yếu để chở hàng loại khác	QCVN 09:2011/BGTVT 09:2015/BGTVT TCVN 6211 TCVN 7271	87.04		X	

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/ tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh	Thời điểm kiểm tra khi nhập khẩu	
					Trước TQ	Sau TQ
5.	Ô tô chuyên dùng, trừ các loại ô tô được thiết kế chủ yếu để chở hàng (thuộc nhóm 87.04) hoặc chủ yếu để chở người (thuộc nhóm 87.02 và nhóm 87.03): - Ô tô cứu hộ - Ô tô càn cầu - Ô tô chữa cháy - Ô tô trộn bê tông - Ô tô quét đường - Ô tô xi téc phun nước - Ô tô sửa chữa lưu động - Ô tô y tế lưu động (chụp X-quang, khám chữa bệnh lưu động...) - Ô tô khoan - Ô tô hút chất thải - Ô tô quan trắc môi trường - Ô tô chuyên dùng loại khác	QCVN 09:2011/BGTVT QCVN 09:2015/BGTVT TCVN 6211 TCVN 7271	87.05	TT 30/2011/TT-BGTVT TT 31/2011/TT-BGTVT TT 54/2014/TT-BGTVT TT 55/2014/TT-BGTVT	X	
6.	Ô tô sắt xi không có buồng lái (khung gầm có gắn động cơ) dùng cho xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05.	QCVN 09:2011/BGTVT QCVN 09:2015/BGTVT	87.06	TT 30/2011/TT-BGTVT TT 31/2011/TT-BGTVT TT 54/2014/TT-BGTVT TT 55/2014/TT-BGTVT	X	